

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng  
và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Dự án: Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn  
Địa điểm xây dựng: Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và sửa đổi, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 5099/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2021;*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 491/TTr-BQL ngày 24/12/2020; ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2986/SNN-QLXDCT ngày 22/12/2020 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 919/BC-SKHĐT ngày 24/12/2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn.

**2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

**3. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi 3 (HEC3) và Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

**4. Chủ nhiệm lập dự án:** Kỹ sư Trần Đại Nghĩa.

**5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Dự án nhằm đảm bảo nhu cầu nguồn nước phục vụ các nhu cầu cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cải thiện môi trường sinh thái trong khu vực, tạo động lực phát triển các ngành du lịch dịch vụ, kết hợp giao thông tiểu vùng dự án, đồng thời dự án còn đảm nhận thêm nhiệm vụ điều hòa không khí, tạo nguồn cung cấp nước ngầm cho khu vực, góp phần tôn tạo tăng thêm giá trị của các khu di tích lịch sử trong khu vực, thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững.

**6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng**

- Đập dâng: Xây dựng đập dâng trên sông bằng BTCT, nền móng đặt trên nền đá. Tổng chiều dài toàn bộ đập theo phương ngang sông là 588,50m, bao gồm phần đập có cửa van giữa sông rộng 350m (kê cả tường, trụ), với 20 khoang có cửa mỗi khoang rộng 15m, cao trình ngưỡng tràn 14.0m, cao trình đỉnh trụ pin 19.0m, cửa van phẳng bằng thép vận hành bằng tời điện; phần đập tràn tự do 2 bên dạng tràn Labyrinth với tổng chiều rộng ngang sông 238,50m, cao trình ngưỡng tràn 18,0m (MNDĐT). Trên đập có kết hợp cầu giao thông HL93, dài 588,5m, rộng 10m, gồm 29 nhịp, dầm chính bằng BTCT dự ứng lực.

- Công lấy nước bên vai phải đập: Công chảy không áp, lưu lượng tưới thiết kế  $Q=0,70\text{m}^3/\text{s}$ , kích thước thông thủy (BxH) = (1,2x1,3)m, đóng mở bằng máy vít me chạy điện.

- Kênh tưới: Xây dựng tuyến kênh chính tổng chiều dài 7,07km, dạng kênh chữ nhật kết cấu bằng BTCT.

- Hệ thống điện quản lý vận hành: Gồm đường dây trung áp 22kV dài 622m, 01 trạm biến áp dạng treo 3 pha 560kVA-22/0,4kV, hệ thống dây và cáp hạ áp tới động cơ thiết bị vận hành cửa van và hệ thống đèn chiếu sáng trên mặt đập, mặt cầu và điện vận hành nhà quản lý.

- Kè bảo vệ bờ hạ lưu đập: Tổng chiều dài 5.389m, dạng kè mái nghiêng, thân kè đắp đất, gia cố mái bằng tấm lát bê tông đúc sẵn trong hệ khung dầm BTCT, chân kè kết cấu bằng dầm BTCT và đổ đá học, đỉnh kè kết cấu bằng bê tông kết hợp giao thông.

- Tuyến ống thu gom thoát nước mưa bờ bắc: Tuyến ống dài 2.480m, đường kính D=1,5m.

- Đường thi công kết hợp quản lý vận hành: Đường giao thông nối từ đầu đập bờ trái nối vào đường trục chính QL19B phía bờ Bắc sông Kôn, tổng chiều dài 2.935 m, đường gom đô thị loại IV, bề rộng nền đường 10m, mặt đường rộng 7,0m với 2 làn xe.

- Nhà quản lý công trình: Nhà cấp 4, diện tích sử dụng 100 m<sup>2</sup>.

**7. Địa điểm xây dựng:** Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

**8. Diện tích sử dụng đất:** Tổng diện tích sử dụng đất 9,47 ha, trong đó diện tích xây dựng công trình chiếm đất vĩnh viễn 8,07 ha và diện tích chiếm đất tạm thời trong thời gian thi công 1,40 ha.

**9. Loại và cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp III.

**a. Cấp công trình và tần suất thiết kế**

**- Đập dâng:**

- + Cấp công trình : Cấp III
- + Mức bảo đảm tưới : P= 85%
- + Tần suất lũ thiết kế : P= 0,5%
- + Tần suất lũ kiểm tra : P= 0,1%
- + Tần suất dẫn dòng thi công : P= 5%, 10%

(Tần suất lũ theo đập dâng Văn Phong ở thượng lưu)

**- Kè bảo vệ bờ:**

- + Cấp công trình : Cấp IV
- + Tần suất lũ thiết kế : P = 10%

**10. Số bước thiết kế:** Thiết kế 2 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

**11. Phương án thiết kế cơ sở:**

Các thông số kỹ thuật theo phương án thiết kế cơ sở:

Bảng 1. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình đập dâng Phú Phong

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>THÔNG SỐ THỦY VĂN</b>			
1	Diện tích lưu vực $F_{lv}$ sông đến tuyến đập	Km <sup>2</sup>	2057	Tính lũ
2	Diện tích lưu vực $F_{lvn}$ (lưu vực tính nước đến)	Km <sup>2</sup>	380	Lưu vực khu giữa
3	Lưu lượng đỉnh lũ ứng với các tần suất			
	- P= 0,1 %	m <sup>3</sup> /s	18 980	$F_{lv}$
	- P= 0,5 %	m <sup>3</sup> /s	16 590	$F_{lv}$
	- P= 5 %	m <sup>3</sup> /s	7 370	$F_{lv}$
	- P= 10 %	m <sup>3</sup> /s	6 290	$F_{lv}$
<b>II</b>	<b>ĐẬP DÂNG</b>			
1	Tuyến chọn	Tuyến IA, hạ lưu Cầu Kiên Mỹ, thượng lưu vị trí nhập lưu suối Đồng Xiêm		
2	Hình thức	Đập dâng BTCT, tràn tự do kết hợp tràn có cửa van		
3	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	+ 18,00	
4	Mực nước ứng với lũ chính vụ 5%	m	21,68	
5	Mực nước ứng với lũ chính vụ 10%	m	21,17	
6	Diện tích mặt hồ trên sông ứng với mực nước thiết kế +18.00m	ha	302,00	
7	Cao trình đỉnh trụ pin	m	19,00	
8	Cao trình ngưỡng tràn	m	14,00	
9	Loại cửa van	Cửa van phẳng bằng thép		
10	Số khoang có cửa xả	khoang	20	
11	Chiều rộng một khoang	m	15	
12	Chiều cao cửa	m	4,20	
13	Tổng chiều dài tràn nước qua cửa xả	m	300	
14	Tổng chiều dài đập phần có cửa (kể cả tường, trụ)	m	350	
15	Thiết bị vận hành	Tời điện 10T		

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	GHI CHÚ
16	Cao trình đáy bể tiêu năng	m	6,80	
17	Chiều dài sân sau	m	25	
	<b>Tràn tự do 2 bên</b>			
18	Hình thức tràn tự do		Tràn Labyrinth	
19	Chiều dài tràn tự do ngang sông	m	238,50	
20	Cao trình ngưỡng	m	18,00	
21	Chiều cao tràn Labyrinth	m	4	
<b>III</b>	<b>CẦU GIAO THÔNG QUA ĐẬP</b>			
1	Hình thức	BTCT, kết hợp với đập		
2	Tải trọng thiết kế		HL93	
3	Bề rộng ngang toàn mặt cầu	m	10	
4	Bề rộng phần xe chạy	m	7,5	2 làn xe
5	Bề rộng lề đi bộ	m	2 x 1,25	
6	Dầm chủ		BT dự U'L	
7	Chiều dài một nhịp / số nhịp	m	17,40 ÷ 26,80	
8	Số nhịp	nhịp	29	
9	Tổng chiều dài cầu	m	588,50	Cả móng, trụ
<b>IV</b>	<b>CÔNG LẤY NƯỚC</b>			
1	Lưu lượng thiết kế	m <sup>3</sup> /s	0,70	
2	Cao trình ngưỡng	m	16,50	
3	Kích thước thông thủy	m	1,2x1,30	
4	Cửa van điều tiết		van phẳng, thép	
5	Thiết bị đóng mở		máy vít điện	
<b>V</b>	<b>THIẾT BỊ CƠ KHÍ ĐẬP DÂNG</b>			
1	Cửa van thép (BxH)	m	(15x4,2)m	Cửa phẳng
2	Số bộ cửa	Bộ	20	
3	Thiết bị đóng mở	-	Tời điện 10T	
<b>VI</b>	<b>HỆ THỐNG ĐIỆN VẬN HÀNH</b>			
1	Đường dây trung áp 22kV đấu từ đường dây 22 kV gần công trình	m	622	
2	Máy biến áp 22/0,4kV, công suất 560kVA		01	dạng trạm treo

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	GHI CHÚ
3	Hệ thống hạ áp đèn thiết bị vận hành + chống sét van		01	
4	Hệ thống hạ áp chiếu sáng		01	
<b>VII</b>	<b>NHÀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐẬP</b>			
1	Vị trí khu quản lý: đầu đập bên trái			cao độ +22m
2	Diện tích xây dựng nhà QL	m <sup>2</sup>	100	
3	Loại, cấp nhà		cấp IV	Trệt
<b>VIII</b>	<b>ĐƯỜNG QUẢN LÝ VẬN HÀNH</b>			
1	Loại đường		Đường đô thị	Đường gom
2	Chiều dài	m	2.935	
3	Kết cấu áo đường		Bê tông nhựa	
4	Tốc độ thiết kế	Km/h	50	
5	Số làn xe	làn	2	
7	Chiều rộng toàn mặt đường	m	10	
8	Chiều rộng phần xe chạy	m	7	2 x 3,5m
9	Chiều rộng 2 lề đường	m	3	1,5m x 2
10	Độ dốc ngang mặt đường	%	2	
11	Công trình trên đường	cái	6	2 cầu + 4 cống TN ngang
<b>IX</b>	<b>TUYẾN ỐNG THU GOM THOÁT NƯỚC MƯA BỜ BẮC THƯỢNG LƯU</b>			
1	Hình thức	ống buy ngầm BTCT		
2	Điểm đầu tuyến	Các cầu Kiên Mỹ mới về TL 100m		
3	Điểm cuối tuyến	Cách đập dâng về hạ lưu 70m		
4	Chiều dài tuyến	m	2.480	
5	Đường kính ống	m	1,50	
6	Độ dốc i		0,0001	
7	Công trình hồ thăm trên tuyến	cái	18	
<b>X</b>	<b>KÊNH TƯỚI CHÍNH</b>			
1	Diện tích tưới và cấp nước	ha	465 (Tưới trực tiếp 250ha, cấp nước cho các trạm bơm 215 ha)	
2	Hình thức, kết cấu		Kênh hộp BTCT	
3	Chiều dài kênh	km	7,07	

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	GHI CHÚ
4	Lưu lượng thiết kế đầu kênh	m <sup>3</sup> /s	0,70	
5	Mức nước đầu kênh / cuối kênh	m	17,80 / 16,46	
6	Bề rộng đáy kênh	m	1,50 ÷ 1,20	
7	Chiều cao kênh Hk	m	1,70 ÷ 1,30	
8	Độ dốc kênh i		0,0001	
9	Số công trình trên kênh	cái	20	

Bảng 2. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình kè bảo vệ bờ

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Tuyến kè bờ tả	Tuyến kè bờ hữu
1	Cấp công trình		IV	
2	Tần suất MN thiết kế	P%	10%	
3	Chiều dài tuyến thiết kế	m	2.314	3.075
4	Cao trình đỉnh kè	m	+19,00 ÷ +18,25	+21,50 ÷ +17,00
5	Cao trình chân kè	m	+16,25 ÷ +15,25	+16,70 ÷ +14,00
6	Chiều cao kè	m	2,00 ÷ 3,50	4,80 ÷ 1,00
7	Bề rộng mặt kè	m	4,00	5,00
8	Hệ số mái phía sông		2,0	2,0
9	Hệ số mái phía đồng		1,5	1,5
10	Kết cấu thân kè		Đắp đất đầm chặt K=0.95	
11	Gia cố mái phía sông: Mái gia cố bằng tấm bê tông dày 12cm trong khung BTCT + Dầm lót 10cm + Vải lọc ĐKT. Gia cố chân bằng dầm BTCT M200, kích thước b×h= (40×80)cm, phía ngoài dầm đổ đá hộc thả rời mặt rộng 2,0m, hệ số mái đóng đá hộc mái ngoài m=1,5 mái phía trong m = 1,0			
12	Gia cố mái phía đồng: Chân khay kích thước (25×50)cm bằng BT M200 đá 2×4, mái gia cố bằng bê tông M200 đá 2×4 dày 12cm đổ tại chỗ. Một số đoạn gia cố trồng cỏ.			
13	Gia cố mặt kè: Bằng BT M250 đá 2×4, dày 18cm (kết hợp giao thông), bó vữa mỗi bên 0,50m và kéo dài xuống mái đê 0,50m, bằng BT M200 đá 2×4 dày 20cm phía sông và 18cm phía đồng.			

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư dự án theo như hồ sơ dự án do Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi 3 (HEC3) và Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung lập, được Sở Nông nghiệp PTNT thẩm định tại Văn bản số 2986/SNN-QLXDCT ngày 22/12/2020).

## **12. Phương án giải phóng mặt bằng:**

- Phạm vi ảnh hưởng: Ảnh hưởng đến diện tích đất đai, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc của nhân dân các xã, thị trấn thuộc huyện Tây Sơn.

- Cơ chế chính sách: Phương án giải phóng mặt bằng của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành Nhà nước.

- Phương thức thực hiện: Chủ đầu tư và UBND huyện Tây Sơn phối hợp thành lập Hội đồng bồi thường để thực hiện giải phóng mặt bằng.

**13. Tổng mức đầu tư: 754.039.862.000 đồng** (*Bảy trăm năm mươi bốn tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

*Trong đó:*

- Chi phí bồi thường, GPMB : 24.477.396.000 đồng;
- Chi phí xây dựng : 481.023.758.000 đồng;
- Chi phí thiết bị : 114.314.133.000 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án : 7.284.771.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 26.507.644.000 đồng;
- Chi phí khác : 13.738.217.000 đồng;
- Dự phòng chi : 86.693.943.000 đồng.

**14. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 và vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025.

**15. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

## **16. Đơn vị vận hành khai thác:**

- Hạng mục đập dâng trên sông (bao gồm hệ thống điện vận hành và hệ thống kênh): Giao cho Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý, vận hành khai thác.

- Hệ thống đê kè, đường quản lý vận hành và các hạng mục khác: Giao cho UBND huyện Tây Sơn quản lý, vận hành khai thác.

**17. Thời gian thực hiện:** Năm 2021 - 2023.

**18. Phương thức thực hiện dự án:** Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

## **19. Nội dung khác:**

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định tại Văn bản số 2986/SNN-QLXDCT ngày 22/12/2020.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công dự án và báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư số



22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 2.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn theo phụ lục chi tiết đính kèm Quyết định này.

**Điều 3.** Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phi Long**

**PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU****Dự án: Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn****Địa điểm xây dựng: Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Số 01-BH: Bảo hiểm xây dựng công trình	6.131.980	Vốn NSNN	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II/2021	Trọn gói	Theo thời gian thi công
2	Số 01-TV: Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn khảo sát, lập Thiết kế BVTC-DT	23.980	Vốn NSNN	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý I/2021	Trọn gói	02 tháng
3	Số 02-TV: Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	100.000	Vốn NSNN	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý II/2021	Trọn gói	02 tháng
4	Số 03-TV: Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu Bảo hiểm xây dựng công trình	11.149	Vốn NSNN	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý II/2021	Trọn gói	02 tháng
5	Số 04-TV: Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu Kiểm toán	2.207	Vốn NSNN	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý III/2021 3	Trọn gói	02 tháng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
6	Số 05-TV: Tư vấn khảo sát lập Thiết kế BVTC - DT	13.188.995	Vốn NSNN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý I/2021	Trọn gói	04 tháng
7	Số 06-TV: Giám sát thi công xây dựng và thiết bị	5.200.049	Vốn NSNN	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý II/2021	Trọn gói	Theo thời gian thi công
8	Số 07-TV: Tư vấn lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất	400.000	Vốn NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý II/2021	Trọn gói	04 tháng
9	Số 08-TV: Tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công và dự toán rà phá bom mìn, vật liệu nổ	50.000	Vốn NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I/2021	Trọn gói	02 tháng
10	Số 09-TV: Tư vấn giám sát chất lượng thi công rà phá bom, mìn	50.000	Vốn NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý II/2021	Trọn gói	02 tháng
11	Số 10-TV: Tư vấn kiểm toán công trình	1.213.848	Vốn NSNN	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý IV/2023	Trọn gói	03 tháng
12	Số 11-TV: Thẩm định giá vật tư, thiết bị	100.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I/2021	Trọn gói	01 tháng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
13	Số 12-TV: Tư vấn giám sát khảo sát địa hình, địa chất	148.880	Vốn NSNN	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý I/2021	Trọn gói	04 tháng
14	Số 13-TV: Tư vấn khảo sát, tham vấn, nghiên cứu sâu dự án	2.381.420	Vốn NSNN	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý I/2021	Trọn gói	06 tháng
15	Số 14-TV: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	562.798	Vốn NSNN	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý I năm 2021	Trọn gói	02 tháng
16	Số 01-XL: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị toàn bộ công trình	642.619.626 (Trong đó: - Chi phí xây dựng và thiết bị: 595.337.891; - Chi phí dự phòng khối lượng 5%: 29.766.895; - Chi phí dự phòng trượt giá 2,942%: 17.514.840)	Vốn NSNN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II/2021	Theo đơn giá điều chỉnh	28 tháng
17	Số 02-RPBM: Thi công rà phá bom mìn và vật liệu nổ	4.500.000	Vốn NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I/2021	Trọn gói	03 tháng
<b>Tổng cộng giá trị các gói thầu: 676.684.932.000 đồng</b> (Sáu trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn đồng)								

Giá trị các gói thầu nêu trên được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư dự án, khi triển khai thực hiện đề nghị Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán theo đúng quy định, cập nhật giá gói thầu trước khi triển khai tổ chức thực hiện các bước tiếp theo./.